



Neoproof® Polyurea R

Lớp phủ chống thấm Polyurea đàn hồi thi công lạnh,
bảo vệ lâu dài cho nhiều bề mặt khác nhau

Mô tả

Polyurea polyaspartic đàn hồi hai thành phần có thể quét được với khả năng chịu mưa sớm tuyệt vời, lý tưởng để bảo vệ lâu dài cho nhiều bề mặt khác nhau. Nó tạo thành một màng mỏng không bị phồng rộp và không thấm nước, có khả năng chống bức xạ UV và ứng suất cơ học cao. Thích hợp cho việc chống thấm mái.

Lĩnh vực ứng dụng

- Mái bằng bê tông, ngói xi măng, lán xi măng
- Những mái nhà yêu cầu khả năng chống thấm nước cực cao
- Bề mặt kim loại
- Trực tiếp trên màng chống thấm lỏng mới hoặc cũ
- Trên lớp màng bitum khoáng
- Trên màng PVC và TPO một lớp
- Bề mặt không lộ thiên (ví dụ như dưới gạch lát)
- Mặt ngoài tường ngầm
- Bể chứa nước (nước không uống được)
- Bảo vệ lớp cách nhiệt bằng xốp PU



Đóng gói

Bộ (A+B) của 19kg và 4,75kg

Màu sắc

RAL 9003

RAL 7035

RAL 3009

Các bề mặt trên cần được chuẩn bị và quét lót thích hợp trước khi thi công
Neoproof® Polyurea R.

Đặc tính - Ưu Điểm

- Tính chất cơ học rất cao - giải pháp lý tưởng cho mái nhà có thể đi lại được
- Khả năng chống bức xạ UV tuyệt vời
- Khả năng chống thấm nước vượt trội - khả năng chống đọng nước đọng đọng
- Độ bám dính tuyệt vời trên nhiều loại chất nền khác nhau
- Duy trì khả năng đàn hồi ở nhiệt độ từ -35°C đến + 80°C
- Bề mặt cuối cùng không bị phồng rộp
- Chịu mưa sớm trong 1 giờ sau khi thi công
- Khả năng chống lại sự xâm nhập của rễ
- Được chứng nhận chống chịu lửa khi tiếp xúc
- Đặc tính kết vết nứt tuyệt vời
- Thi công bằng con lăn hoặc máy phun

- Tuổi thọ lâu dài
- Tương thích với các lớp phủ Neoproof® Polyurea khác
- Tuổi thọ sử dụng siêu dài được đảm bảo

Chứng chỉ - Báo cáo thí nghiệm

- Chứng nhận CE theo EN 1504-2
Giấy chứng nhận Hợp chuẩn Số 1922-CPR-0386
- Vật liệu làm mát được chứng nhận bởi Đại học Athens
Đánh giá tính chất quang học của lớp phủ, cả màu trắng và xám nhạt (RAL 7035) sắc thái màu, được thực hiện bởi Đại học Quốc gia và Kapodistrian của Athens – Phòng vật lý
- Báo cáo thử nghiệm của phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng độc lập bên ngoài Geoterra (Số 2015/283, 2017/1213 & 2021 / 483_5)
- Đáp ứng yêu cầu LEED v4.1: Tín dụng SS – Giảm Đảo Nhiệt – Phương án 1 – Cao Mái phản xạ, SRI ban đầu ≥ 82
- Đã thử nghiệm thành công và đánh giá khả năng chống lại sự xâm nhập của root acc. ĐẾN CEN/TS 14416:2014
Báo cáo thử nghiệm 23/32304595 của phòng thí nghiệm độc lập bên ngoài LGAI Technological Trung tâm SA (Applus)
- Hiệu suất được chứng nhận theo acc tiếp xúc với lửa bên ngoài. đến EN 13501-5 Hệ thống phân loại Broof (t1) dựa trên báo cáo phân loại No. ngày 1/4/2023 acc. Đến EN 13501-5 và báo cáo thử nghiệm số 65/23/120/1/D-1/OENV của các thử nghiệm được thực hiện theo acc. đến CEN/ TS 1187 của phòng thí nghiệm độc lập bên ngoài Lukasiewicz IMBiGS
- Tuân thủ hàm lượng V.O.C. yêu cầu theo E.U. Chỉ thị 2004/42 / CE



Certified by:



Đặc tính kỹ thuật

Tỷ lệ trộn A:B (theo trọng lượng)	13:6
Tỷ trọng (EN ISO 2811-1)	1,45kg/L ($\pm 0,1$)
Giãn dài tại điểm đứt (ASTM D412)	400% (± 20)
Độ bền căng tại điểm đứt (ASTM D412)	8,6MPa ($\pm 0,3$)
Độ bền căng tại điểm đứt (được gia cố Neotextile® NP, ASTM D412)	>10MPa
Cường độ bám dính (EN 1542)	>3N/mm ²
Độ cứng Shore A (ASTM D2240)	73
Độ cứng Shore D (ASTM D2240)	22
Khả năng kết liền vết nứt – Độ rộng tối đa vết nứt có thể kết liền (EN 1062-7 – Phương pháp A)	>1,25mm [Loại A4 (23,5°C)]
Thấm nước (EN 1062-3)	<0,01kg/m ² h ^{0,5}

Đặc tính kỹ thuật

Tính thấm CO ₂ - Độ dày lớp không khí tương đương khuếch tán Sd (EN 1062-6)	>50m
Độ thấm hơi nước - Độ dày lớp không khí tương đương khuếch tán Sd (EN ISO 7783)	>5m (Loại II)
Quá trình lão hóa tia UV tăng tốc khi có độ ẩm (UVB-313, 4giờ UV @ 60°C + 4giờ ngưng tụ ở 50°C, ASTM G154)	Qua (>1000 giờ)
Nhiệt độ sử dụng	-35°C đến +80°C
Tổng phản xạ SR% (ASTM E903-12, ASTM G159-98)	84% (Trắng RAL 9003)
	72% (Màu xám RAL 7035)
Phát xạ hồng ngoại (ASTM C1371-04a)	0,90 (Trắng RAL 9003)
	0,89 (Màu xám RAL 7035)
Chỉ số phản xạ mặt trời SRI (ASTM E1980-01)	106 (Trắng RAL 9003)
	88 (Màu xám RAL 7035)
Tiếp xúc với lửa bên ngoài (EN 13501-5)	Broof (t1)* *Báo cáo phân loại: No. D/4/1/2023 - Lukaszewicz IMBiGS
Tiêu thụ: 1-1,2kg/m² cho 2 lớp (bề mặt gốc xi măng)	

Điều kiện thi công

Độ ẩm mặt nền	<4%
Độ ẩm môi trường (RH)	<85%
Nhiệt độ thi công (môi trường – mặt nền)	Từ +5°C đến +35°C

Chi tiết bảo dưỡng

Thời gian sống (RH 50%)**	+5°C	100 phút
	+23°C	80 phút
	+35°C	45 phút
Thời gian khô (RH 50%)	+5°C	8 giờ
	+23°C	3 giờ
	+35°C	2 giờ
Thời gian thi công lớp kế tiếp (RH 50%)	+5°C	24 giờ
	+23°C	18 giờ
	+35°C	10 giờ
Chịu mưa sớm	1 giờ	
Đóng rắn hoàn toàn	~7 ngày	

* Nhiệt độ thấp và độ ẩm thấp trong quá trình thi công / hoặc đóng rắn kéo dài thời gian trên, trong khi nhiệt độ cao và độ ẩm cao làm giảm chúng

** Do hỗn hợp có độ nhớt cao theo thời gian, để thi công dễ dàng hơn, bạn nên tính đến thời gian của hỗn hợp được đề cập trong bảng

Vật liệu lót thích hợp trên các chất nền thông thường

Chất nền	Vật liệu lót	Mô tả - Chi tiết
Bê tông, láng xi măng	Acqua Primer NP	Vật liệu lót epoxy gốc nước (Nhiệt độ thi công: + 12°C đến + 35°C)
	Epoxol® Primer	Vật liệu lót epoxy gốc nước (Nhiệt độ thi công: + 12°C đến + 35°C)
	Neodur® Fast Track PR	Vật liệu lót hỗn hợp (polyurea-polyurethane) khô nhanh. Cho phép thi công lớp thứ nhất của hệ thống Neoproof® Polyurea trong cùng một ngày
	Neopox® Primer WS	Sơn lót epoxy không dung môi ứng dụng cho bề mặt ẩm ướt. Lý tưởng cho chất nền có độ ẩm cao (không đọng nước hoặc tăng độ ẩm).
Màng Bitum	Neopox® Primer BM	Vật liệu lót epoxy cho các ứng dụng trên màng bitum mặt đá hoặc trơn
Kim loại (sắt, thép)	Neopox® Special Primer 1225	Vật liệu lót epoxy chống ăn mòn. Bám dính tuyệt vời trên bề mặt kim loại và bảo vệ chống ăn mòn.
	Neopox® Primer 815	
Inox, thép mạ kẽm, nhôm	Neotex® Inox Primer	Vật liệu lót gốc nước một thành phần với cường độ bám dính cao lên bề mặt bóng, không xốp.
Màng PVC	-	Thi công trực tiếp sau khi xử lý bề mặt bằng dung môi Neotex® 1021
Bột cách nhiệt PU mới	-	Ứng dụng trực tiếp mà không cần quét lót

Hướng dẫn sử dụng

Chuẩn bị mặt nền

Bề mặt phải ổn định, sạch, khô, được bảo vệ khỏi độ ẩm tăng cao và không bám bụi, dầu, mỡ và các vật liệu rời. Các vật liệu bám dính kém và lớp phủ cũ cần được loại bỏ, và bề mặt phải được làm sạch kỹ lưỡng về mặt cơ học hoặc hóa học. Tùy thuộc vào chất nền, có thể dùng biện pháp cơ học thích hợp để làm phẳng những vị trí không đồng đều, mở các lỗ rỗng và tạo điều kiện tối ưu cho độ bám dính. Các bề mặt phải có độ dốc thích hợp và phẳng, nhẵn, liên tục (tức là không có lỗ rỗng, vết nứt, rãnh, v.v.). Trong trường hợp ngược lại, chúng nên được xử lý phù hợp (ví dụ bằng cách bả bột thích hợp).

Vật liệu lót

Trước khi thi công **Neoproof® Polyurea R**, nên quét lót NEOTEX® thích hợp, tùy thuộc vào chất nền (xem bảng).

Đối với nền gốc xi măng, nên thi công quét lót epoxy gốc nước **Acqua Primer NP**. Trong trường hợp đó, nhiệt độ bề mặt phải cao hơn + 12°C.

Thi công

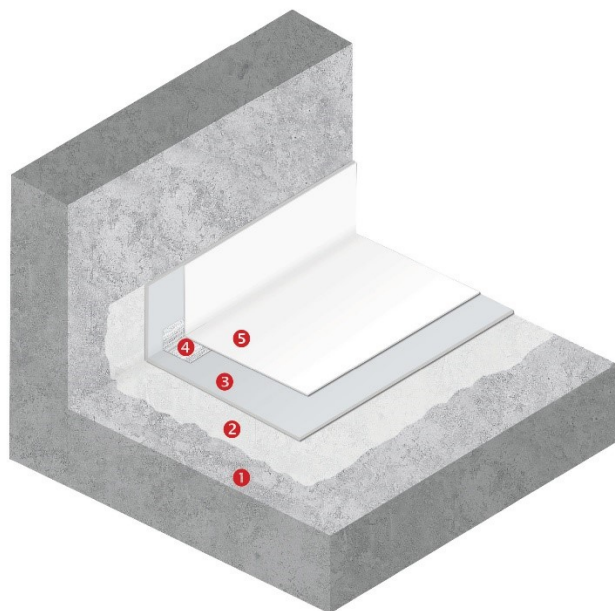
Sau khi quét lót bề mặt, **Neoproof® Polyurea R** được thi công không pha loãng, ít nhất hai lớp bằng con lăn, chổi quét hoặc thiết bị phun. Mọi lớp nên được thi công theo hướng thẳng đứng hoặc khác với hướng trước đó.

Trước khi trộn hai thành phần, thành phần A phải được khuấy kỹ trước khoảng 1 phút.

Các thành phần A & B sau đó được trộn theo tỷ lệ định trước (13A: 6B trọng lượng) và khuấy khoảng 3 phút bằng máy khuấy điện tốc độ chậm cho đến khi hỗn hợp đồng nhất.

Dọc theo các đường giao trên mặt sàn (cũng như ở tất cả các góc khác), trong các chi tiết xây dựng (chẳng hạn như đường ống thoát nước xung quanh và bên trong mái nhà), dọc theo các mối nối, cũng như khi che phủ các vết nứt có độ rộng lớn hơn 1,5mm, nên quét **Neoproof® Polyurea R** cục bộ trước, được gia cố bằng vải polyester không dệt được thiết kế đặc biệt **Neotextile® NP** có trọng lượng 100gr/m² (thi công hai lớp “ướt- ướt” với lớp vải ở giữa).

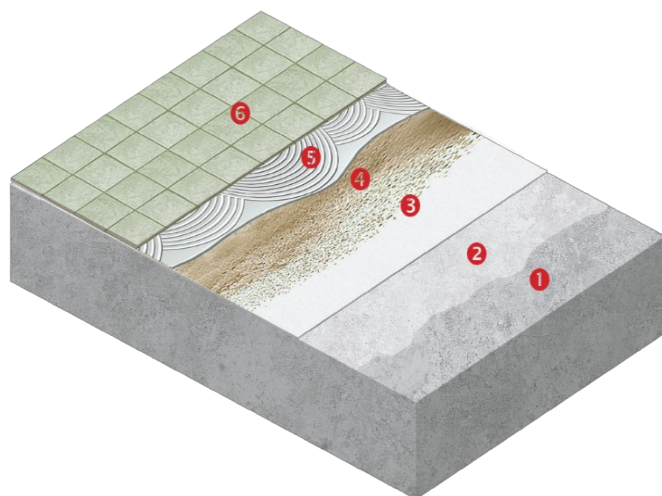
Hướng dẫn quy trình thi công



CHỐNG THẨM LỘ THIÊN TRÊN CHẤT NỀN GÓC XI MĂNG

- 1 Nền gốc xi măng
- 2 Vật liệu lót: **Acqua Primer NP**
- 3 Lớp nền chống thấm:
Neoproof® Polyurea R
- 4 Gia cố góc: Vải **Neotextile® NP**
- 5 Lớp phủ chống thấm:
Neoproof® Polyurea R

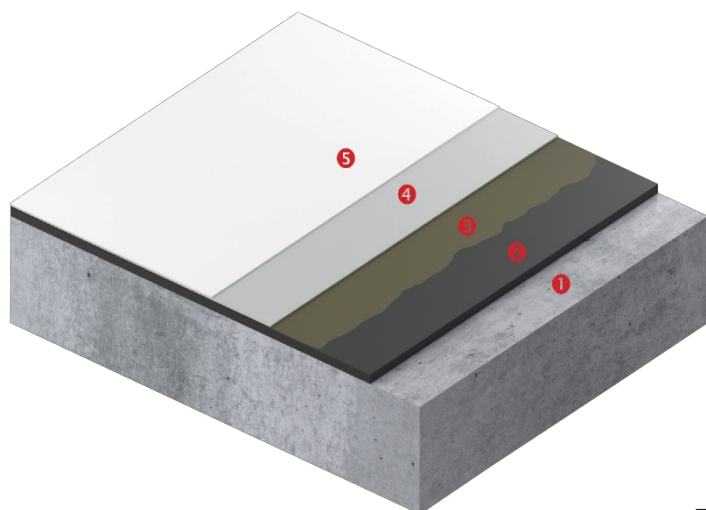
Tiêu thụ **Neoproof® Polyurea R**: 1-1,2kg /m²



CHỐNG THẨM DƯỚI GẠCH LÁT BAN CÔNG/SÂN THƯỢNG/MÁI

- 1 Nền gốc xi măng
- 2 Vật liệu lót: **Acqua Primer NP**
- 3 Lớp chống thấm:
Neoproof® Polyurea R (tối thiểu 2 lớp)
- 4 Cát thạch anh (rắc)
- 5 Keo dán gạch đàn hồi
- 6 Gạch lát

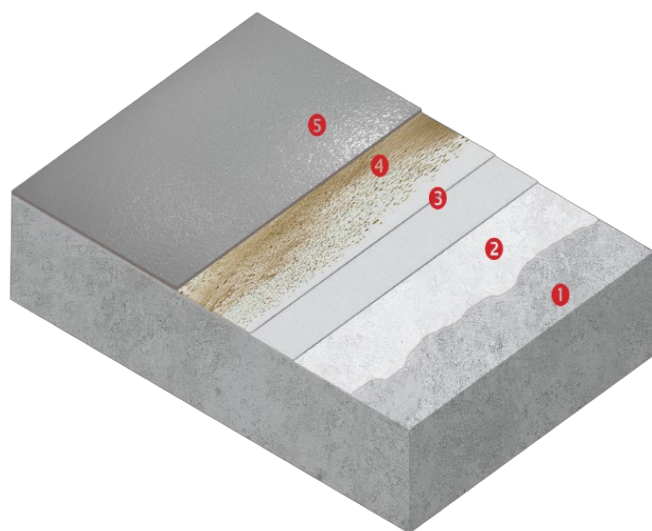
Tiêu thụ **Neoproof® Polyurea R**: 1-1,2kg /m²



CHỐNG THẤM MÁI TRÊN LỚP MÀNG BITUM

- 1 Nền gốc xi măng
- 2 Màng Bitum nhẵn mịn
- 3 Vật liệu lót:
Neopox® Primer BM
- 4 Lớp nền chống thấm:
Neoproof® Polyurea R
- 5 Lớp phủ chống thấm:
Neoproof® Polyurea R

Tiêu thụ **Neoproof® Polyurea R**: 1,2-1,5kg /m² (cho 2 lớp)



CHỐNG THẤM MÁI SÀN ĐỒ XE LỘ THIÊN

- 1 Nền gốc xi măng
- 2 Vật liệu lót: **Acqua Primer NP**
- 3 Lớp chống thấm:
Neoproof® Polyurea R (tối thiểu 3 lớp)
- 4 Cát thạch anh (rắc)
- 5 Lớp mặt chống thấm chịu mài mòn:
Neodur® FT Elastic

Tiêu thụ **Neoproof® Polyurea R**: 1,8kg /m² (cho 3 lớp)

Những lưu ý đặc biệt

- Không thi công **Neoproof® Polyurea R** khi trời đang mưa hoặc dự báo có mưa trong thời gian bảo dưỡng sản phẩm.
- Không nên được bảo quản các thành phần ở nhiệt độ quá thấp hoặc quá cao, đặc biệt là trước khi trộn. Tốt nhất nên trộn và khuấy hỗn hợp trong bóng râm. Việc khuấy hỗn hợp phải được thực hiện bằng máy và không được thực hiện thủ công bằng que, v.v.
- Cần tránh khuấy vật liệu quá nhiều để giảm thiểu nguy cơ bị lẫn khí. Sau khi khuấy hỗn hợp, thi công vật liệu ngay trong thời gian ngắn để tránh nhiệt độ tăng cao và tiềm ẩn khả năng đông cứng bên trong thùng đựng.
- Nhiệt độ bề mặt trong quá trình thi công và bảo dưỡng phải cao hơn 3°C, trên điểm sương để tránh bị ngưng tụ
- Thi công liên tục đầy đủ ở các bề mặt thẳng đứng của mái (tối thiểu 30cm), để tạo thành một lớp màng chống thấm liền mạch. Trong mọi trường hợp, nên che phủ hoàn toàn các giá đỡ và tiếp tục thi công chống thấm ở các mặt cắt ngang của chúng.
- Độ bền của hệ thống chống thấm tỷ lệ thuận với tổng chiều dày màng chống thấm khô, có thể đạt được thông qua việc thi công thêm một lớp hoặc nhiều lớp bổ sung..
- Mức tiêu thụ của mỗi lớp **Neoproof® Polyurea R** không gia cố phải thấp hơn 1kg / m², để giảm thiểu nguy cơ dung môi kẹt lại trong màng chống thấm.
- Trong trường hợp ứng dụng dưới gạch lát, nên rải cát thạch anh trong quá trình thi công lớp cuối cùng của sản phẩm, khi sản phẩm còn tươi để tăng cường độ bám dính của lớp keo dán gạch. Sau khi **Neoproof® Polyurea R** đông cứng, cần loại bỏ mọi hạt vụn bằng máy hút bụi công suất cao. Nên sử dụng keo dán gạch đàn hồi (loại C2TE S1 được đề xuất chỉ định).
- Trong trường hợp các dự án có yêu cầu cao hơn về độ bền cơ học và khả năng kết liền vết nứt, nên gia cố **Neoproof® Polyurea R** bằng vải polyester không dệt **Neotextile® NP** hoặc sợi thủy tinh gia cường **Fiberglass Mat 225 P.B.** trên toàn bộ bề mặt ứng dụng.
- Để thoát hơi nước đọng trên bề mặt nền, cần lắp đặt các lỗ thông hơi trên toàn bộ bề mặt mái mỗi 20-25m²
- Trong trường hợp lớp lán xi măng mới và ngay sau khi trát xong, nên tạo các khe nối thích hợp (từng 15-20m² trên diện tích bề mặt và ở độ sâu xấp xỉ ¼ độ dày của lớp lán xi măng), sau đó sẽ được trám kín (ví dụ: bằng dây xốp PE và **Neotex® PU Joint** sau khi quét lót thích hợp các mặt của chúng). Cũng cần tạo các khe co giãn xung quanh chu vi, như trên, và có chiều rộng tối thiểu là 1cm. Mọi khe nối hiện có của tấm bê tông cần được chuyển sang chất nền mới.


Hướng dẫn bảo trì

- Lớp màng đóng cứng hoàn toàn 7 ngày sau khi thi công lớp cuối cùng, tuy nhiên còn tùy thuộc vào điều kiện thời tiết. Trong suốt thời gian bảo dưỡng trên, nghiêm cấm tới gần bề mặt mới thi công hoặc chỉ những người có chuyên môn mới được phép.



- Nên kiểm tra lớp phủ hàng năm để tìm ra các hư hại do tác động khách quan hoặc chủ quan.
- Trong trường hợp cần sửa chữa cục bộ, nên ứng dụng **Neoproof® Polyurea R** với độ dày màng sơn khô ban đầu ở mức tối thiểu, sau khi làm sạch và quét lót (nếu cần) khu vực bị ảnh hưởng. Những vị trí trọng yếu nên được gia cố bằng vải polyester không dệt **Neotextile® NP**.
- Nên làm sạch định kỳ bằng vòi phun tia nước (kết hợp với chất tẩy rửa trung tính, nếu cần), đặc biệt trong trường hợp tích tụ nhiều chất bẩn, bụi và chất ô nhiễm trên bề mặt.

Hình thức	Chất lỏng nhớt
Màu sắc	Trắng RAL 9003, Ghi nhạt RAL 7035, Đỏ ô-xít RAL 3009 Các sắc thái khác theo yêu cầu
Đóng gói	Bộ (A + B) 19kg và 4,75kg trong thùng kim loại
Vệ sinh dụng cụ - tẩy vết bẩn	Bằng Neotex® 1021 or Neotex® PU 0413 ngay sau khi thi công. Trong trường hợp vết bẩn đã đông cứng, bằng biện pháp cơ học
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (V.O.C.)	Hạn mức V.O.C. tuân thủ E.U. Chỉ thị 2004/42 / CE cho sản phẩm này thuộc loại AcWB: 500g / l (Giới hạn 1.1.2010) - hàm lượng V.O.C. của sản phẩm sẵn sàng sử dụng <500g / l
Mã UFI	Thành phần A: H990-W0T8-Y00K-8XQ2 Thành phần B: QRE0-70PW-W00A-PQ0E
Phiên bản	Neoproof® Polyurea , hệ thống chống thấm polyurea nguyên chất, với tuổi thọ cực cao Neoproof® Polyurea H , hệ thống polyurea - polyurethane lai Neoproof® Polyurea C1 , lớp dày, có thể ứng dụng cho một lớp duy nhất khi bề mặt nền phẳng và mịn Neoproof® Polyurea F , với chứng nhận phản ứng với lửa
Lưu trữ	Thành phần A: 2 năm, được bảo quản trong bao bì kín ban đầu, được bảo vệ khỏi sương giá, độ ẩm và tiếp xúc với ánh sáng mặt trời. Thành phần B: 1 năm, được bảo quản trong bao bì kín ban đầu, được bảo vệ khỏi sương giá, độ ẩm và tiếp xúc với ánh sáng mặt trời.

 1922	
NEOTEX S.A. V.Moira str., P.O. Hộp 2315 GR 19600 Khu công nghiệp Mandra, Athens, Hy Lạp 19	
1922-CPR-0386 DoP No.: 4950-14 EN 1504-2 Neoproof® Polyurea R Sản phẩm bảo vệ bề mặt Lớp phủ	
Độ thấm hơi nước:	Loại I
Cường độ bám dính:	$\geq 1,5N / mm^2$
Khả năng hấp thụ mao mạch khả năng thấm nước:	$W < 0,1Kg / m^2h^{0,5}$
Khả năng thấm CO2:	SD > 50m
Phản ứng lửa:	Euroclass F
Các chất nguy hiểm:	Tuân thủ 5.3

Thông tin được cung cấp trong biểu dữ liệu này, liên quan đến việc sử dụng và ứng dụng của sản phẩm, dựa trên kinh nghiệm và kiến thức về NEOTEX® SA. Nó được cung cấp như một dịch vụ cho các nhà thiết kế và nhà thầu để giúp họ tìm ra các giải pháp tiềm năng. Tuy nhiên, với tư cách là nhà cung cấp, NEOTEX® SA không kiểm soát việc sử dụng thực tế của sản phẩm và do đó không thể chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng sản phẩm. Là kết quả của sự phát triển kỹ thuật liên tục, khách hàng của chúng tôi tùy thuộc vào kiểm tra với bộ phận kỹ thuật của chúng tôi để đảm bảo rằng bảng dữ liệu hiện tại này đã không được sửa đổi bởi một phiên bản mới hơn:

HEADQUARTERS - PLANT
V. Moira str., Xiropigado
LOGISTICS SALES & CENTER
Loutsas str., Voro

P.O. Box 2315, GR 19600
Industrial Area Mandra
Athens, Greece
T. +30 210 5557579

NORTHERN GREECE BRANCH
Ionias str., GR 57009
Kalochori, Thessaloniki, Greece
T. +30 2310 467275